TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M– TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2019.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Lâm Bình.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Lê Mạnh Nhanh.**

Ông **Nguyễn Văn Son.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Trần Thị Thu Hường –** Cán bộ TAND huyện M.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mtham gia phiên toà:* Bà **Lê Thị Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M – TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-DS ngày 09/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị C**, sinh năm 1987. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm 3, thôn H, xã H, huyện M, TP Hà Nội.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 14, thôn D, xã H, huyện M, TP Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Mạnh P**, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Xóm 14, thôn D, xã H, huyện M, TP Hà Nội. Vắng mặt.

3. Những người làm chứng:

- Ông **Phạm Văn B**, sinh năm 1955. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm 13, thôn D, xã H, huyện M, TP Hà Nội.

- Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1957. Vắng mặt.

Đều trú tại: Xóm 3, thôn H, xã H, huyện M, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Thị C và anh Phạm Mạnh P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H ngày 18/12/2006. Sau khi cưới chị C về sống cùng gia đình anh P, vợ chồng anh chị đều làm nghề tự do. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị và

anh P không B ban được nhau, vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống. Bản thân anh P không tin tưởng chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi cọ. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả, tháng 5/2014 chị và anh P sống ly thân, cũng trong năm đó chị đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan. Chị và anh P không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị C thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có hai con chung, cháu Phạm Thị Phương L sinh ngày 25/4/2008 và cháu Phạm Lê Lam K sinh ngày 16/9/2012. Từ khi anh chị sống ly thân cháu L ở với anh P, cháu K ở với bà ngoại đến năm 2016 về sống cùng anh P. Vợ chồng ly hôn, chị C đồng ý giao cháu L và cháu K cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện tại chị phải đi làm ăn xa, không có nhà, không có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc các con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không nợ ai và không ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Mạnh P trình bày và xác định: Anh kết hôn với chị C là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Anh cho rằng cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị C tự ý bỏ nhà đi mà anh không biết rõ lý do. Anh tìm hiểu thì được biết chị C về bên ngoại và được gia đình bên ngoại giúp sức đi Đài Loan làm việc mà, anh và gia đình không đồng ý. Kể từ khi chị C đi Đài Loan, anh và chị không có liên hệ gì với nhau. Nay chị C xin ly hôn, anh không muốn ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị C. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Trường hợp vợ chồng anh ly hôn, anh xin nuôi cháu K và cháu L. Anh không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh P xác định vợ chồng anh không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị C và giao 02 con chung cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu mới.

- Tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị C đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Mạnh P cư trú tại xã H, huyện M, TP Hà Nội đơn khởi kiện làm theo mẫu và nộp tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật nên việc Tòa án nhân dân huyện Mthụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Mạnh P là bị đơn đã được giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Toà án. Ngày 09/8/2019 Toà án mở phiên toà lần thứ nhất anh P vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do lần 2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị C và anh P trên cơ sở tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ, chồng hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu nguyên nhân do chị C và anh P có nhiều điểm bất đồng trong lối sống, phát triển kinh tế gia đình. Chị C xin ly hôn; anh P cho rằng vợ chồng anh vẫn còn tình cảm với chị C nên anh không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị C giữ nguyên yêu cầu, kiên quyết xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc và ảnh hưởng đến các con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc với mẹ đẻ của chị C là Nguyễn Thị G và bố đẻ của anh P, ông Phạm Văn B. Mẹ đẻ của chị C thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng anh chị hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị có nhiều điểm bất đồng trong lối sống, sinh hoạt, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con. Ông Phạm Văn B thì cho rằng anh chị sống hạnh

phúc cho đến năm 2014 gia đình ông phát hiện chị C có quan hệ tình cảm với người khác nên bỏ nhà đi. Được gia đình bên ngoại giúp sức chị C đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan, từ đó gia đình ông và chị C không chị C. Tại Biên bản xác minh ngày 24/7/2019 UBND xã H, huyện M, TP Hà Nội cho biết:... *"Cuộc sống chung vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị có nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống và phát triển kinh tế gia đình.Tháng 5/2014 chị C đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan thì anh chị sống ly thân, tháng 4/2019 chị C trở về địa P nhưng không về sống cùng anh P mà sống cùng bố mẹ đẻ tại xóm 3, thôn H, xã H…".* Quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn B có nộp 01 Giải trình, 01 Đơn đề nghị của anh Phạm Mạnh P và 01 bản ghi nội dung các tin nhắn ông B lấy ra từ điện thoại của chị C. Tại các văn bản này anh P, ông B đều cho rằng chị C có quan hệ với người khác nên vợ chồng không sống cùng nhau từ năm 2014 đến nay. Chị C có văn bản bác bỏ việc lời cáo buộc trong đó chị khẳng định không có việc chị quan hệ ngoại tình với người khác. Trên cơ sở chứng cứ, tài liệu các đương sự cung cấp kết hợp với tài liệu xác minh tại địa P đủ cơ sở kết luận: Việc anh P và gia đình không tin tưởng chị C và vợ chồng mâu thuẫn là có thật; do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2014, từ đó anh chị sống ly thân không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai. Từ đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Lê Thị C và anh Phạm Mạnh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị C có đơn xin ly hôn với anh P là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về vấn đề con chung: Anh, chị có hai con chung là các cháu Phạm Thị Phương L sinh ngày 25/4/2008, cháu Phạm Lê Lam K sinh ngày 16/9/2012. Từ khi anh chị sống ly thân cháu L ở với anh P, cháu K ở với bà ngoại đến năm 2026 cháu K về sống cùng anh P. Vợ chồng ly hôn, chị C đồng ý giao cháu K và cháu L cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện tại chị phải đi làm ăn xa, không có nhà, không có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc các con; trường hợp vợ chồng ly hôn, anh P xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện chị C không có nhà ở, phải đi làm ăn xa, không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bản thân anh P có nhà ở, công việc và thu nhập ổn định, anh P tha thiết xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con; cháu K, cháu L cũng có nguyện vọng xin được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn vì không muốn xáo trộn trong việc học tập, sinh hoạt. Xét đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, việc giao con cho anh P nuôi dưỡng đảm B điều kiện về mọi mặt của

trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu K, cháu L cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu mới.

[4] Về tài sản chung: Anh P, chị C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết nên không không xem xét, giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xác định chị C phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Lê Thị C**. Chị **Lê Thị C** được ly hôn anh **Phạm Mạnh P.**

Về con chung: Giao các cháu **Phạm Thị Phương L** sinh ngày 25/4/2008, cháu **Phạm Lê Lam K** sinh ngày 16/9/2012 cho anh Phạm Mạnh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị C đến khi có yêu cầu mới. Chị C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận không có, không yêu cầu Toà giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị C phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số **2260** ngày 20/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, TP Hà Nội.

Anh P, chị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
-TAND TP Hà Nội;
- VKS ND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lâm Bình